

第7回香川ルーキーズ交歓試合 日程割り

《女子》 ※印は混成チームを示す

W1	※三木	金山	観音寺	紀伊	香川町	高瀬
※三木		11/3 C1	11/5 G2		11/5 G4	11/3 D4
金山	11/3 C1		11/3 C5	11/6 K5		11/6 K7
観音寺	11/5 G2	11/3 C5		11/3 D1	11/5 G6	
紀伊		11/6 K5	11/3 D1		11/3 D5	11/6 K9
香川町	11/5 G4		11/5 G6	11/3 D5		11/3 C2
高瀬	11/3 D4	11/6 K7		11/6 K9	11/3 C2	

W2	多度津	善通寺	栗林	※大野原	屋島	飯山
多度津		11/5 G7	11/6 K6		11/6 K8	11/5 H10
善通寺	11/5 G7		11/5 H9	11/6 L8		11/6 L6
栗林	11/6 K6	11/5 H9		11/5 H7	11/6 K3	
※大野原		11/6 L8	11/5 H7		11/5 G10	11/6 L4
屋島	11/6 K8		11/6 K3	11/5 G10		11/5 G8
飯山	11/5 H10	11/6 L6		11/6 L4	11/5 G8	

W3	豊中	坂出東部	※亀阜	※国分寺	一宮	城東
豊中		11/6 K1	11/5 H4		11/5 H6	11/6 K4
坂出東部	11/6 K1		11/6 L3	11/3 C4		11/3 C6
※亀阜	11/5 H4	11/6 L3		11/6 L1	11/5 H8	
※国分寺		11/3 C4	11/6 L1		11/6 L5	11/3 C8
一宮	11/5 H6		11/5 H8	11/6 L5		11/6 K2
城東	11/6 K4	11/3 C6		11/3 C8	11/6 K2	

W4	綾歌	城西	丸亀南	志度	土庄	円座
綾歌		11/3 D2	11/5 G1		11/5 G3	11/3 D6
城西	11/3 D2		11/3 C7	11/5 H1		11/5 H3
丸亀南	11/5 G1	11/3 C7		11/3 C3	11/5 G5	
志度		11/5 H1	11/3 C3		11/3 D7	11/5 H5
土庄	11/5 G3		11/5 G5	11/3 D7		11/3 D3
円座	11/3 D6	11/5 H3		11/5 H5	11/3 D3	